

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Hoàng Văn Tuấn;

2, Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố B

Đại diện VKSND thành phố B: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2018, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Phạm Phương N, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Số nhà A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.
(Có mặt).

+ **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Mai H, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú Số nhà A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần y dược Lan Q; địa chỉ: Đường Á Lữ, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Phạm Phương N trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị Mai H năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh tại số nhà a tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2007 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định, ngoài ra cháu lớn khi sinh ra đã bị bệnh phải đi điều trị tại Bệnh viện nhi Trung Ương thời gian dài, dẫn đến kinh tế có khó khăn. Tháng 10/2007 chị H về nhà bố mẹ đẻ chị H ở và làm việc tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh và gia đình anh có đến đón chị H và các con về nhưng chị H không về, vợ chồng không ai quan tâm gì đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Phạm Bình An, sinh ngày 07/7/2005 và Phạm Phương T, sinh ngày 11/7/2007. Cháu A đã mất năm 2006, cháu Thảo hiện đang ở với chị H. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nam trình bày: Từ tháng 10 năm 2007 sau khi chị H sinh cháu thứ hai được khoảng hai tháng thì chị H có xin phép gia đình anh về nhà mẹ đẻ chị H chơi. Gia đình anh và anh có đến đón chị H về nhiều lần nhưng chị H không về, giữa anh và chị H chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, cứ mỗi lần nói chuyện qua điện thoại thì anh và chị H lại cãi nhau và chị H lại xúc phạm nhau. Anh đến gia đình bố mẹ đẻ chị H nhiều lần nhưng không gặp được chị H. Qua tìm hiểu, anh được biết chị H đang làm tại Công ty cổ phần dược Lan Q thuộc phường Trần Phú, thành phố B. Bao nhiêu năm nay anh đã phải đi tìm chị H để giải quyết việc ly hôn nhưng chị H cố tình trốn tránh không gặp anh. Do vậy anh xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để anh còn ổn định cuộc sống. Về con chung lúc đầu anh có yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, về tài sản chung và về nghĩa vụ chung về tài sản.

+ Đối với chị Phạm Thị Mai H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến địa chỉ của mẹ đẻ chị H tại số nhà A, đường Đàm Thuận Huy, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và địa chỉ của chị H đang làm việc là Công ty cổ phần dược Lan Q thuộc phường Trần Phú, thành phố B để giao thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ tài liệu nhưng chị H không nhận. Do đó Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho lãnh đạo Công ty cổ phần dược Lan Q thuộc phường Trần Phú, thành phố B để giao lại cho chị H. Nhưng chị H không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2018, đại diện chính quyền tổ dân phố số X, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội cung cấp: Anh Nam và chị H là vợ

chồng, hiện cả hai vợ chồng vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Trong quá trình vợ chồng chung sống tại địa phương, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó khoảng 1 năm thì anh Nam và chị H bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nam và chị H bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là về vấn đề kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân và chị H đã không còn sinh sống cùng anh Nam ở địa phương từ năm 2007 đến nay.

+ Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2018 Công ty cổ phần dược Lan Q cung cấp như sau: Qua kiểm tra hồ sơ, có trường hợp Phạm Thị Mai H, sinh năm 1982. Hộ khẩu thường trú tại tổ 11, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội đang làm việc tại Công ty. Chị H làm việc tại Công ty từ ngày 01/6/2016 cho đến nay theo Hợp đồng lao động số 16/2016/HĐLĐ-CTLQ ký ngày 28/5/2016. Hiện chị H đang làm tại phòng Công tác xã hội - Bệnh viện y học cổ truyền Lan Q, mức thu nhập bình quân hàng tháng là 4.000.000 đồng.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng không tiến hành hòa giải được vì bị đơn chị H không có mặt

- Ngày 04/7/2018, Tòa án mở phiên tòa, chị H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án phải hoãn phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nam và xử cho anh Phạm Phương N được ly hôn chị Phạm Thị Mai H. Về án phí: Anh Phạm Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Phạm Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. .

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo sổ hộ khẩu số 240426096, ngày 25/02/2010, chị Phạm Thị Mai H có đăng ký hộ khẩu tại tổ 44, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Theo xác minh của tổ trưởng dân phố số 11, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội thì chị H không sinh sống tại số nhà 494, C8, tổ 11, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội từ năm 2007 đến nay, địa phương cũng không rõ chị H sinh sống ở đâu. Xác minh tại Công ty cổ phần dược Lan Q thì hiện chị H đang làm việc tại Công ty Lan Q từ ngày 01/6/2016 cho đến nay theo hợp đồng lao động số 16/2016/HĐLĐ-CTLQ ngày 28/5/2016. Nay anh Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị H, Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết là nơi chị H đang công tác là phù hợp với quy định tại theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nam đề nghị giải quyết được ly hôn với chị H thì thấy: Anh Nam và chị H kết hôn ngày 09/6/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội, được cấp giấy chứng nhận kết hôn là phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Căn cứ vào lời khai của anh Nam và xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Nam, chị H đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh Nam, chị H không có công việc ổn định, ngoài ra con lớn của anh Nam và chị H thường xuyên đi viện, dẫn đến kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 đến nay và không ai quan tâm gì đến ai, anh Nam xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập chị H lên làm việc nhiều lần nhưng chị H đều vắng mặt, không có lý do. Điều đó, chứng tỏ chị H cũng không còn tha thiết níu giữ quan hệ hôn nhân với anh Nam. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nam là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nam không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Phương N được ly hôn chị Phạm Thị Mai H.

2. Về án phí: Anh Phạm Phương N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2012/06733 ngày 07/5/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nam có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo